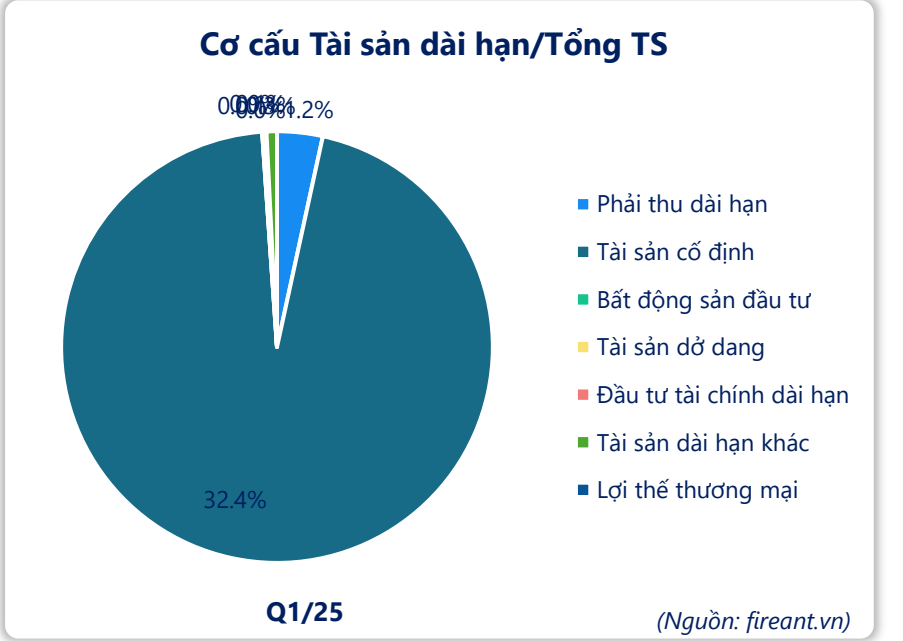
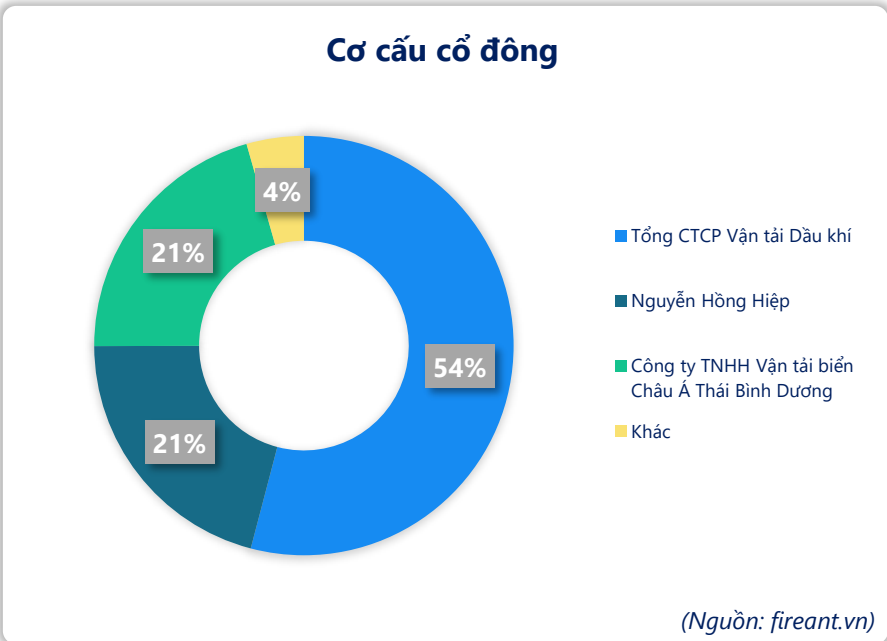
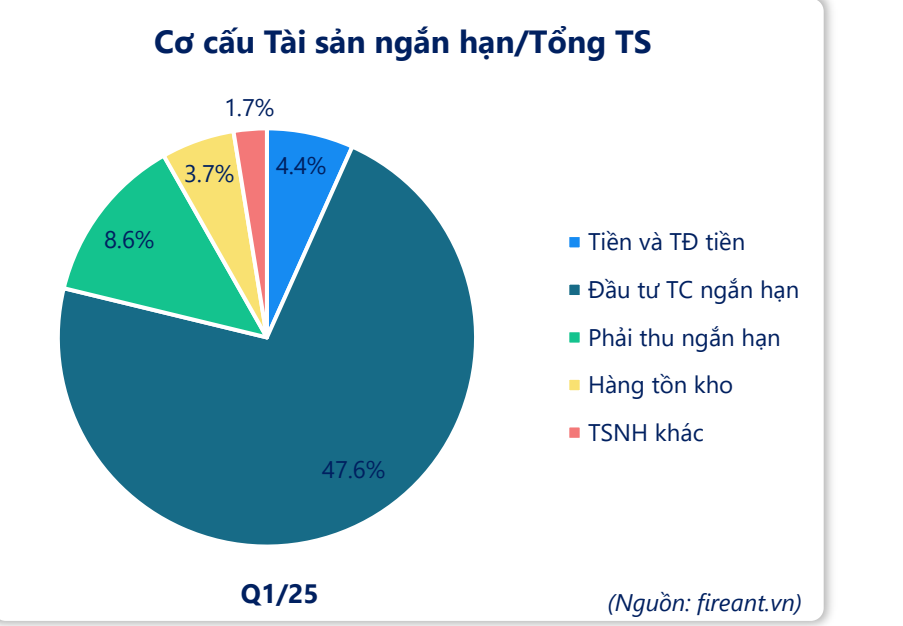
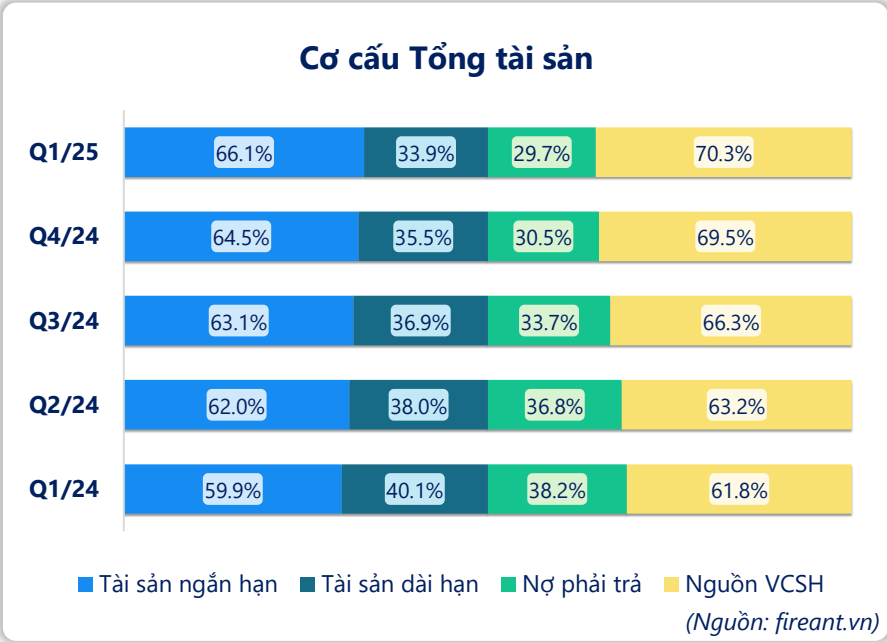
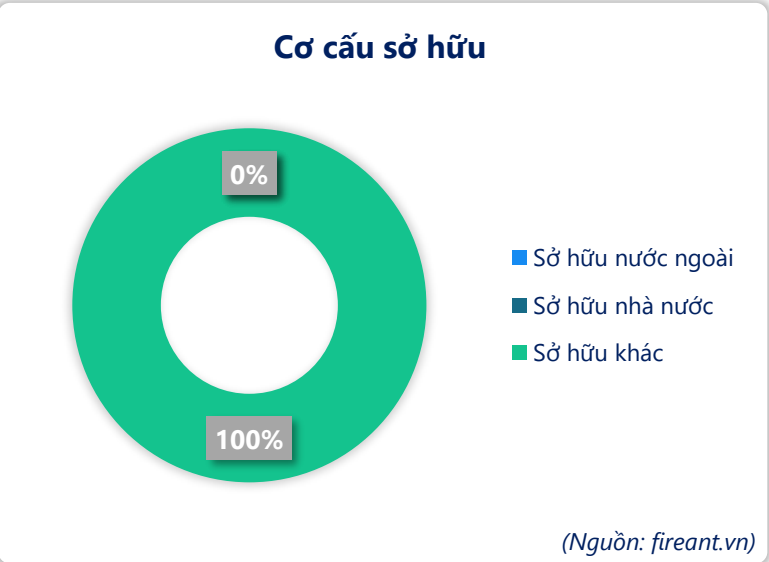
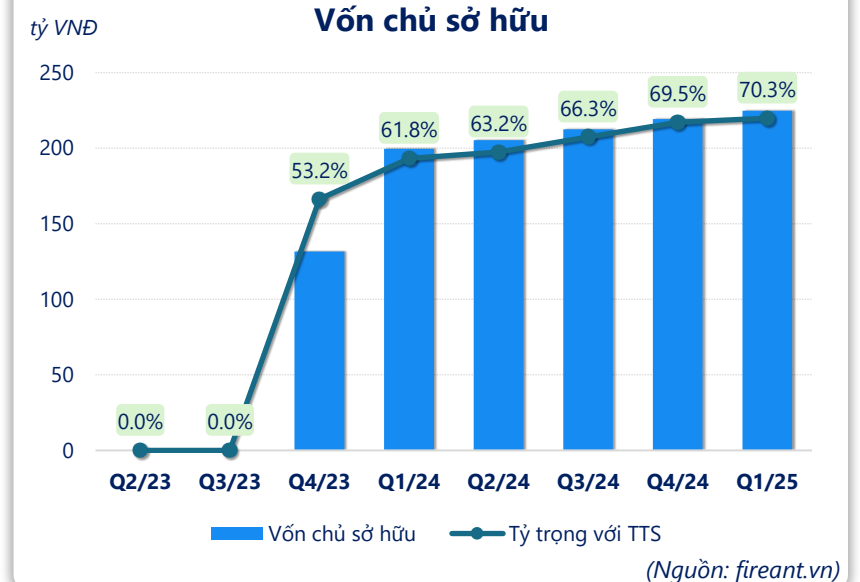
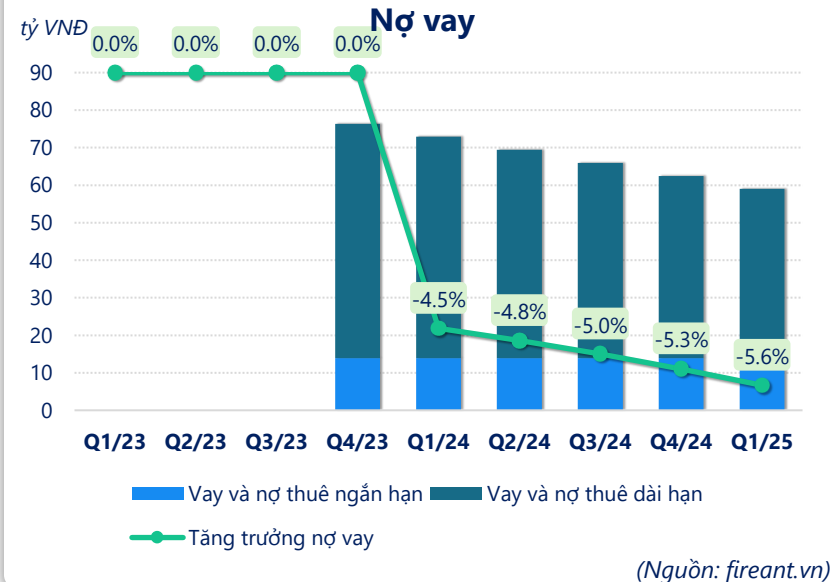
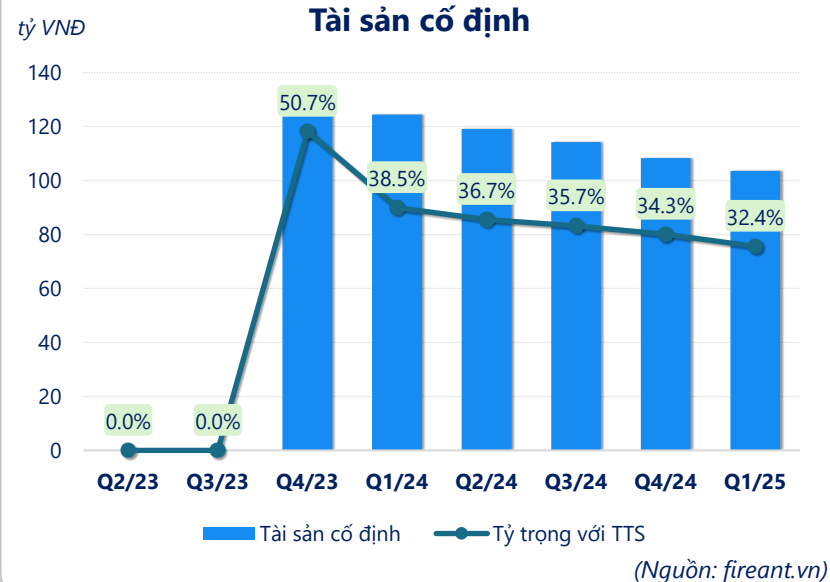
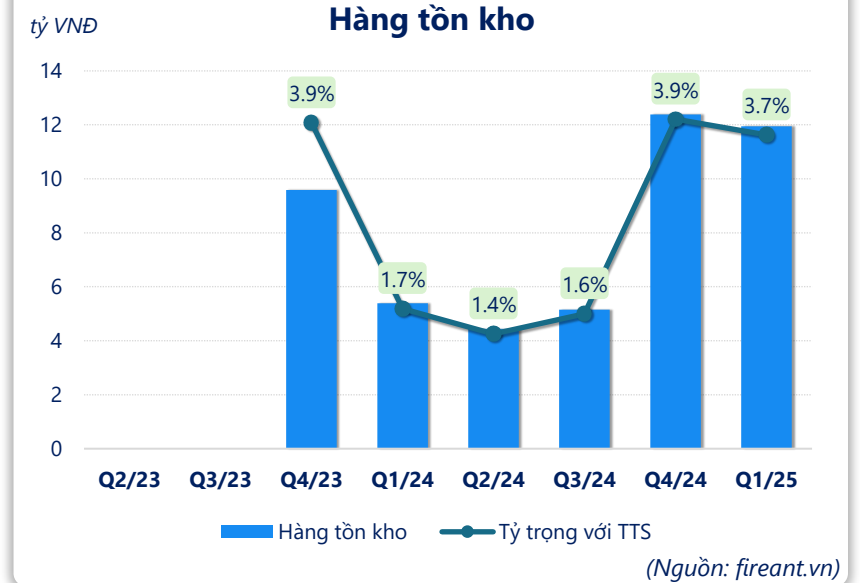
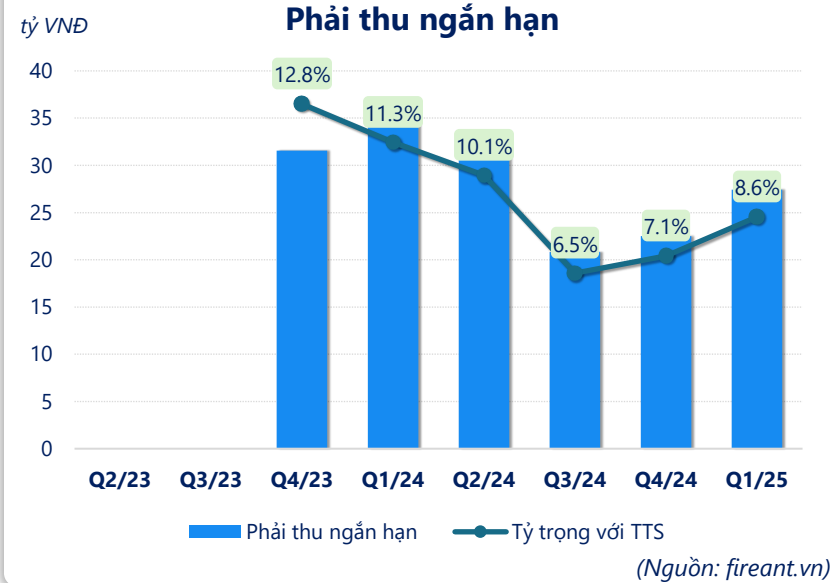
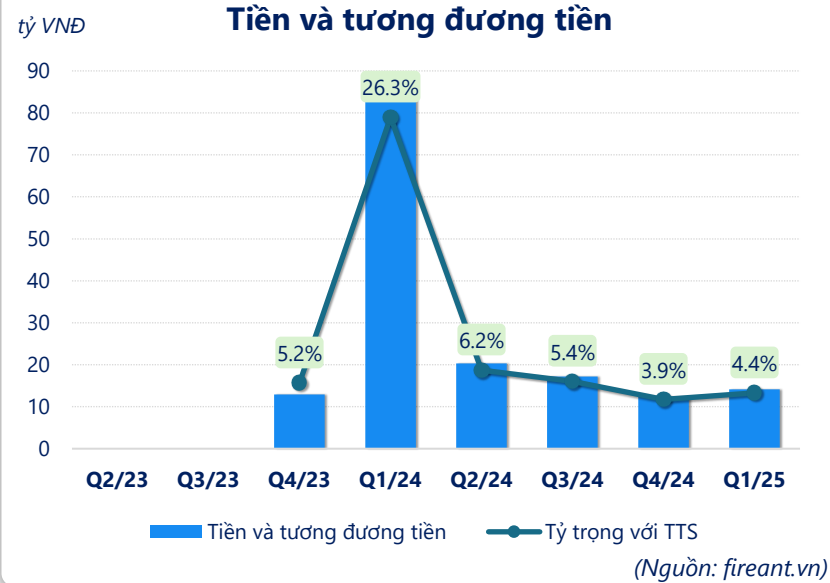
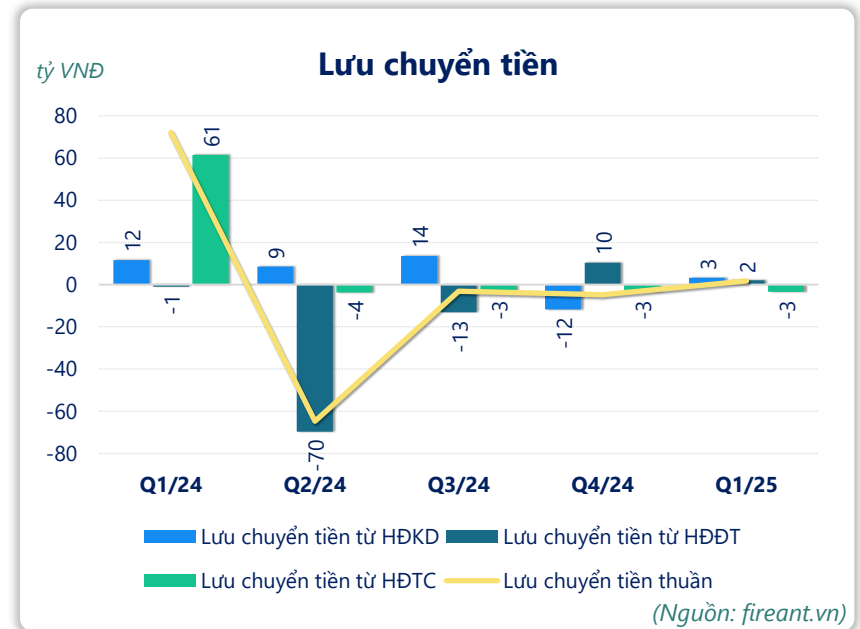
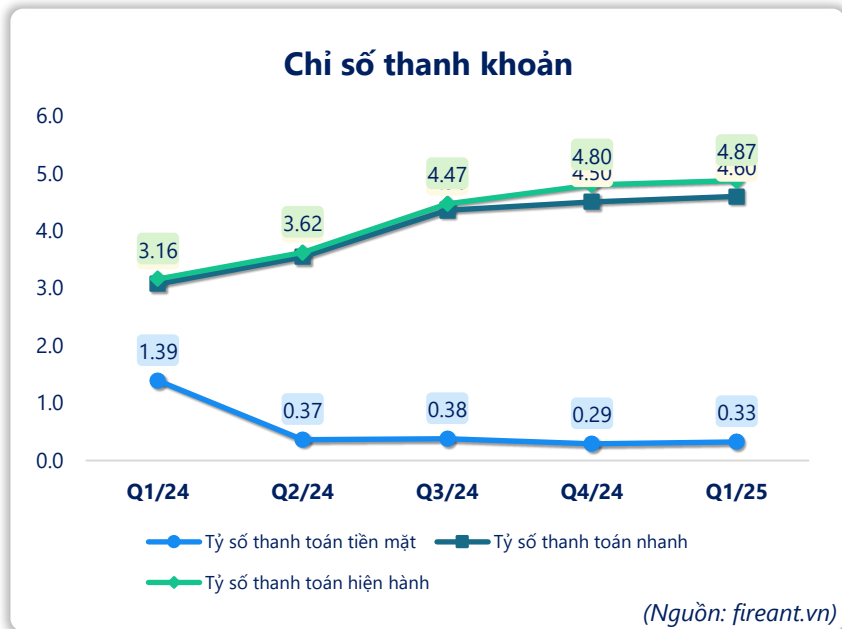
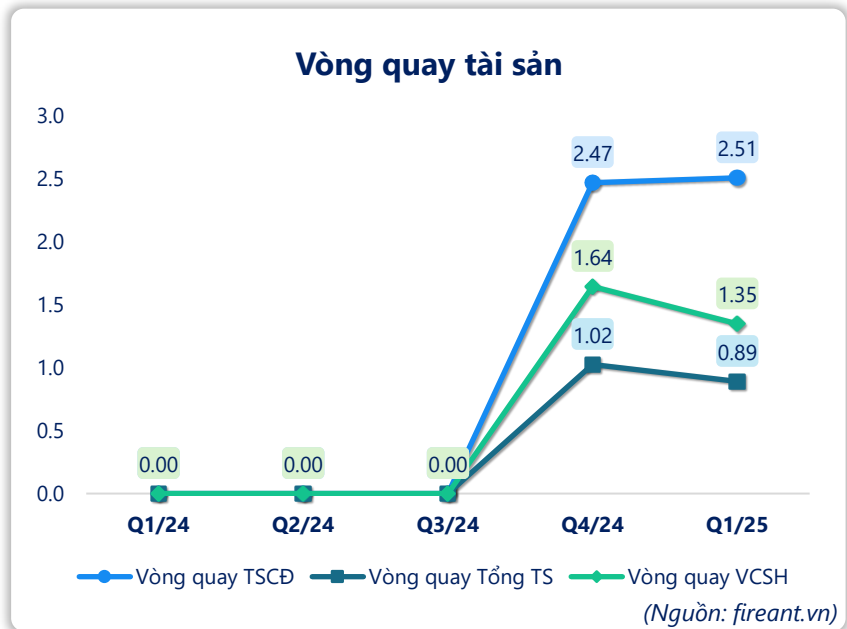
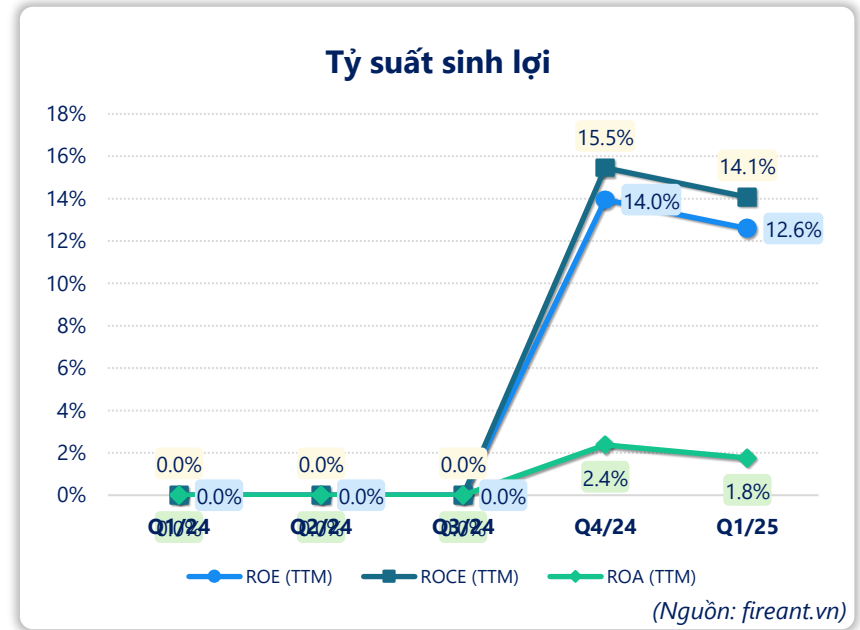
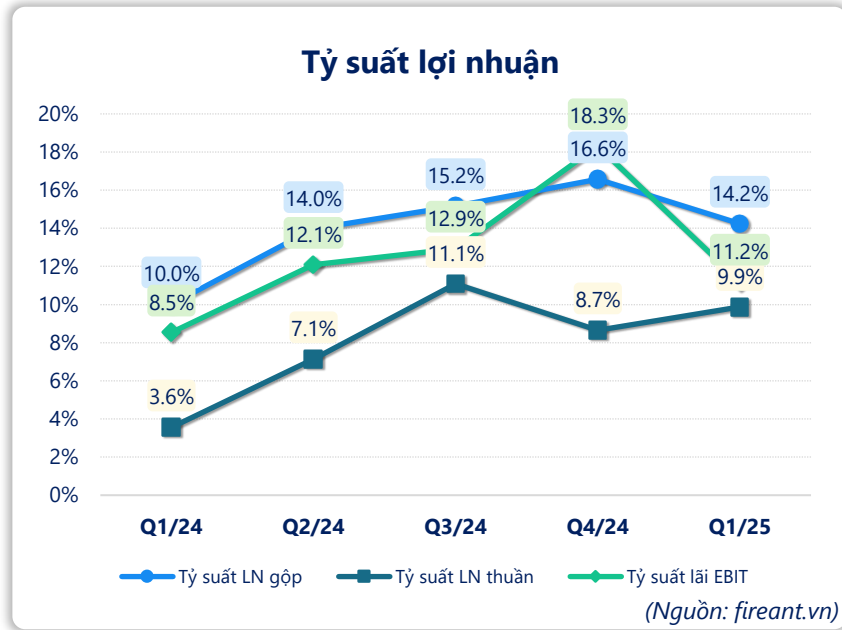
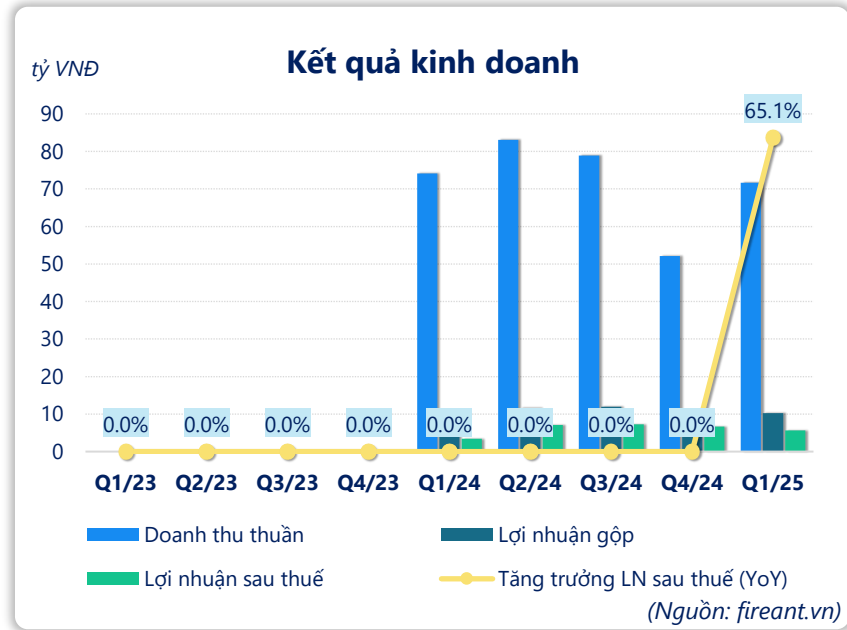


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
SL cổ phiếu LH		16,493,172
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,055
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		175
P/E		6.5
EPS		1,620

	YTD	1T	3T	6T
PTT	-7.0%	-32.5%	-1.9%	-48.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	320	315	1.3%
Tài sản ngắn hạn	211	204	3.7%
Tiền và tương đương tiền	14.1	12.3	14.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152	152	0.1%
Phải thu ngắn hạn	27.4	22.5	21.8%
Hàng tồn kho	11.9	12.4	-3.5%
Tài sản ngắn hạn khác	5.41	4.32	25.2%
Tài sản dài hạn	108	112	-3.1%
Phải thu dài hạn	3.70	3.27	13.1%
Tài sản cố định	104	108	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.35	0.35	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.84	0.02	4326%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	94.8	96.3	-1.6%
Nợ ngắn hạn	43.3	42.4	2.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.9	13.9	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.7	17.0	-1.9%
Nợ dài hạn	51.4	53.8	-4.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	45.1	48.6	-7.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	225	219	2.6%
Vốn chủ sở hữu	225	219	2.6%
Vốn điều lệ	165	165	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	74.1	83.1	78.9	52.1	71.7
Giá vốn hàng bán	66.7	71.5	67.0	43.5	61.5
Lợi nhuận gộp	7.43	11.6	12.0	8.64	10.2
Doanh thu HĐTC	1.13	2.10	2.01	2.31	2.30
Chi phí TC	2.40	4.30	1.14	1.10	1.02
Chi phí lãi vay	2.07	1.13	1.09	1.06	0.95
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.52	3.47	4.09	5.33	4.41
LN thuần từ HĐKD	2.64	5.93	8.75	4.51	7.08
Lợi nhuận khác	1.62	2.99	0.38	3.97	0
LN trước thuế	4.26	8.92	9.13	8.48	7.08
Lợi nhuận sau thuế	3.39	7.12	7.27	6.68	5.65
LNST của CĐ cty mẹ	3.39	7.12	7.27	6.68	5.65

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.6	8.54	13.5	-11.8	3.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.95	-69.6	-13.2	10.4	2.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	61.5	-3.66	-3.47	-3.47	-3.47
Tiền đầu kỳ	12.9	85.0	20.3	17.2	12.3
Lưu chuyển tiền thuần	72.1	-64.7	-3.14	-4.80	1.79
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	85.0	20.3	17.2	12.3	14.1

(Nguồn: fireant.vn)